

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DMC
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-7-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC - TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tòng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đào;

2. Bà Bùi Thị Hải Đường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC, Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Biện Thị Thu Th, sinh năm: 1986; địa chỉ cư trú: Số nhà 85, tổ 19, ấp TB, xã TM, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm: 1983; địa chỉ cư trú: Số nhà 85, tổ 19, ấp TB, xã TM, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04-02-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Biện Thị Thu Th trình bày:

Chị và anh Th chung sống với nhau năm 2004, năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống anh Th thường đánh bạc gây nợ, không quan tâm, chăm sóc gia đình nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Th không thay đổi. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Th, chị yêu

cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có con chung tên Trần Tấn Ph, sinh ngày 01-7-2005; chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai (bút lục số 18), biên bản hòa giải ngày 10-3-2020 (bút lục số 23) anh Trần Văn Th trình bày:

Thời gian chung sống, kết hôn như chị Th trình bày là đúng. Do làm kinh tế thất bại nên bản thân buồn, xa nhà nên có tham gia đánh bạc với bạn, gây nợ phải trả nhiều lần nên không dám nói với chị Th, mẹ ruột anh đã trả thay anh các khoản nợ xong. Anh còn yêu thương vợ con nên mong muốn đoàn tụ, anh hứa sẽ thay đổi. Trường hợp nếu vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý giao con chung Trần Tấn Ph, sinh ngày 01-7-2005 cho chị Th nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng đối với anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Biện Thị Thu Th đối với anh Trần Văn Th; giao con chung Trần Tấn Ph, sinh ngày 01-7-2005 cho chị Th nuôi dưỡng, ghi nhận chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Biện Thị Thu Th là nguyên đơn, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng anh Trần Văn Th cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Th. Anh Th không thực hiện nghĩa vụ của đương sự quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Th và anh Th tự nguyện chung sống với nhau năm

2004, năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống do anh Th đánh bạc, gây nợ dẫn đến phát sinh mâu thuẫn về kinh tế nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh Th. Mặc dù, anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không lý do, anh Th mong muốn đoàn tụ nhưng không có thiện chí, không đưa ra được giải pháp. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh Th là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng con chung Trần Tấn Ph, sinh ngày 01-7-2005 muốn sống cùng chị Th và sự thỏa thuận của anh chị; Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng, ghi nhận chị Th không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung; là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Biện Thị Thu Th đối với anh Trần Văn Th.

Chị Th, anh Th không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Biện Thị Thu Th được trực tiếp nuôi con chung Trần Tấn Ph, sinh ngày 01-7-2005. Ghi nhận chị Th không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Th được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Biện Thị Thu Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh theo Biên lai thu số **0004165 ngày 07 tháng 02 năm 2020**; (chị Th đã nộp xong án phí).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS H.DMC;
- UBND xã TM;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thanh Tòng